

Số: 32 /2025/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 125/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 167/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh; mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 5 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC.

##### 2. Đối tượng áp dụng

a) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

**Điều 2. Quy định nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh**

Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, gồm:

1. Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hàng năm theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác, được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 7, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC.

3. Nguồn kinh phí được trích từ tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, các Sở, ngành, đơn vị liên quan không sử dụng hết số kinh phí được trích và không còn nhu cầu sử dụng.

**Điều 3. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay**

1. Cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Mức cho vay: Tối đa 100 triệu đồng/hộ.

b) Thời hạn cho vay: Tối đa 10 năm.

c) Lãi suất cho vay: Theo quy định tại Quyết định số 2553/QĐ-TTg về việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

d) Trường hợp mức cho vay, thời hạn cho vay tối đa theo quy định đối với chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo từ nguồn vốn Trung ương được điều chỉnh cao hơn mức cho vay, thời hạn cho vay theo quy định tại Nghị quyết này: Áp dụng mức cho vay, thời hạn cho vay tối đa theo quy định của Trung ương.

2. Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm

a) Mức cho vay: Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Thời hạn cho vay: Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2019/NĐ-CP.

c) Lãi suất cho vay: Theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2019/NĐ-CP.

3. Cho vay người chấp hành xong án phạt tù

a) Mức cho vay: Theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

b) Thời hạn cho vay: Theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg.

c) Lãi suất cho vay: Theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg.

4. Đối với các chương trình tín dụng chính sách xã hội khác sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Chính sách xã hội theo từng chương trình cho vay cụ thể và theo quy định trong từng thời kỳ.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo các văn bản mới đó.
3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

*Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh Tuyên Quang (*đăng tải*);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hầu Minh Lợi**